

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-02-2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhuận

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Ngọc Hiên- Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2018 về việc tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đỗ Thị Q - sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện M, TP Hà Nội (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc Đ - sinh năm: 1988

Nơi ĐKKHKT: Khu 9, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang cải tạo tại Đội 21 Phân trại số 1, Trại giam T, Tổng cục cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Bộ công an, địa chỉ: xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Đỗ Thị Q trình bày: Chị và anh Đ kết hôn ngày 28/10/2010, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện M, TP Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chị

về ở chung với bố mẹ đẻ chị ở xã T, huyện M, đến khoảng tháng 8/2011 vợ chồng về ở với bố mẹ đẻ anh Đ ở xã C, huyện C. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến khoảng cuối năm cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn, anh Đ chơi bời cờ bạc, dẫn đến nợ nần nhiều. Tuy đã được gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn, anh Đ không thay đổi. Đến khoảng tháng 12/2013 anh Đ phạm tội giết người bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt 07 năm tù, hiện đang cải tạo tại Đội 21 Phân trại số 1, Trại giam T, Tổng cục cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Bộ công an, địa chỉ: xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Tại Bản tự khai ngày 02/01/2019 anh Nguyễn Khắc Đ trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian mâu thuẫn, sống ly thân như chị Q trình bày là đúng. Việc chị Q xin ly hôn anh đồng ý.

- *Về con chung*: Hai bên trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Khắc C - sinh ngày 12/8/2011. Hiện nay con chung đang ở với chị Q. Ly hôn chị Q xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của anh Đ đồng ý để chị trực tiếp nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, công sức và quyền, nghĩa vụ chung về tài sản*: Hai bên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh Đ tại cải tạo tại Trại giam nên không về Tòa án nhân dân huyện C tham gia hòa giải được, nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát việc về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 55; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh Đ.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Khắc C cho chị Q trực tiếp dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Q không yêu cầu.

Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Đ tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ; chị Q yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “Hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Q và anh Đ bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của các đương sự và kết quả thu thập chứng cứ cho thấy: khoảng cuối năm 2011 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn, anh Đ chơi bời cờ bạc, dẫn đến nợ nần nhiều, tuy đã được gia đình, khu xóm hòa giải nhưng anh Đ không thay đổi, vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Đến ngày 12/01/2014 anh Đ phạm tội giết người bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt 07 năm tù, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, thể hiện tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận công nhận sự thuận tình ly hôn của hai người.

[3]. Về con chung: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân con chung vẫn do chị Q, nên chị Q vẫn xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu C cũng hơn 07 tuổi có nguyên vọng ở với mẹ, điều kiện nuôi con của chị Q đảm bảo cuộc sống cho con chung. Anh Đ đồng ý để chị Q nuôi con chung. Như vậy, giao cho chị Q nuôi con chung là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung, công sức và quyền nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Q và anh Nguyễn Khắc Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khắc C - sinh ngày 12/8/2011 cho chị Đỗ Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày 25/01/2019 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Q không yêu cầu.

Chị Q cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

Chị Đỗ Thị Q phải chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 008445 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Quyết đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã T, huyện M, Hà Nội;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Ngọc Dũng